TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/DS-PT.
Ngày: 18/9/2017.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân**.**

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng.

Ông Nguyễn Hữu Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2017/QĐ-PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, sinh năm: 1946.

Bà Lê Thị X, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 104B QL 20, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Công D, sinh năm: 1970.

Bà Trần Thị T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 46, HT, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông Phan Xuân D1, sinh năm: 1955.

Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số 184/24 Lý Chính T, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Số 104B QL 20, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2009).

Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 59 QL 27, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị T– Bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X thì:

Ngày 10/5/2007, vợ chồng ông Phan Xuân D1, Bà Ngô Thị Mỹ L có chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà lô đất diện tích 309m^2 thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT với giá 100.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được hai bên lập thành văn bản có xác nhận của khu phố trưởng nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định. Vợ chồng ông bà đã giao đủ số tiền chuyển nhượng 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông D1, bà L và đã nhận đất sử dụng từ đó cho đến nay.

Quá trình làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị T có lấn chiếm phần đất mà vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông D1, bà L, cụ thể phía trước theo mặt đường Quốc lộ 27 lấn chiếm 1,4m và chiều ngang phía sau là 5,5m, kéo dài hết lô đất.

Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà T trả lại phần diện tích đã lấn chiếm có chiều ngang phía trước theo mặt đường Quốc lộ 27 là 1,4m và chiều ngang phía sau là 5,5m, kéo dài hết lô đất thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT.

Bị đơn vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị T trình bày: Phần đất hiện đang tranh chấp với vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X thuộc thửa đất số 631 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị L1 (mẹ ruột ông D) tặng cho vợ chồng ông bà theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2006. Thửa đất số 631 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT có diện tích 99m^2 (loại đất ở đô thị) được tách từ thửa đất số 307 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT và vợ chồng ông bà đã được Uỷ ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 958979 ngày 25/12/2006.

Hiện nay trên đất có 01 căn nhà tạm, xây gạch đờmi cao khoảng 1m và phía trên có dựng tôn diện tích khoảng 34,2m^2 do vợ chồng ông bà xây dựng từ khoảng năm 2007. Từ năm 1993 thì phần đất của thửa đất số 307 (nay là 631 và

632) giáp ranh với thửa đất số 306 cùng tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT có hàng dây thép thể hiện ranh giới giữa hai bên nhưng vào khoảng năm 2007 do gia đình ông bà san múc đất và chặt bỏ cây mít trên đất thì có phá bỏ hàng dây thép giữa ranh giới đất hai bên.

Nay qua yêu cầu của nguyên đơn cho rằng vợ chồng ông bà lấn chiếm đất thì vợ chồng ông bà không đồng ý nên không trả lại đất của vợ chồng ông T, bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phan Xuân D1, Bà Ngô Thị Mỹ L trình bày: Năm 2007, vợ chồng ông bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X quyền sử dụng đất diện tích 309m^2 thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT, với giá 100.000.000đ đồng. Phần đất chuyển nhượng nói trên thì vợ chồng ông bà đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256266 cấp ngày 28/4/1993.

Sau khi chuyển nhượng vợ chồng ông đã nhận đủ tiền chuyển nhượng 100.000.000 đồng và đã giao đất cho vợ chồng ông T, bà X sử dụng, cũng như đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T đi làm thủ tục sang tên trước bạ. Từ khi chuyển nhượng cho đến nay hai bên không tranh chấp hay khiếu nại gì về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 này.

Nay đối với việc vợ chồng ông T, bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà T trả lại phần đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT thì do vợ chồng ông bà và vợ chồng ông T, bà X đã mua đứt bán đoạn thửa đất nêu trên, vợ chồng ông bà không còn quyền lợi liên quan gì đến thửa đất số 306 tờ bản đồ 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT nên vợ chồng ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thu T1 trình bày: Bà là em ruột ông Trần Công D, hiện nay bà đang mượn phần đất và nhà tạm tường phía dưới xây gạch, phía trên dựng tôn có diện tích khoảng 34,2m^2 thuộc thửa đất số 631 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT của vợ chồng ông D để buôn bán. Khi nào vợ chồng ông D có yêu cầu thì bà sẽ hoàn trả, qua việc kiện của vợ chồng ông T thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X. Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị T trả lại phần đất lấn chiếm là 48,3m^2 (có điểm mốc phía sau sát mép nhà ván của vợ chồng ông D) thuộc một phần thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT (có

họa đồ kèm theo) cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X. Đồng thời, vợ chồng ông D, bà T có trách nhiệm di dời, tháo dỡ một số cây cảnh và một số tài sản của mình trên đất gồm: Bệ sắt để bồn chứa nước sinh hoạt, nhà vệ sinh tạm đã hư hỏng không còn sử dụng để hoàn trả lại hiện trạng đất cho vợ chồng ông T, bà X.

Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị T phải hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X 2.579.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá.

Vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển quyền đối với thửa đất số 306 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2/Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị T phải chịu 8.404.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X phải chịu 3.236.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 023824 ngày 01/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT. Vợ chồng ông T, bà X còn phải nộp 3.186.400 đồng tiền án phí còn thiếu.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 21/7/2017, bị đơn Bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT với nội dung không đồng ý di dời các cây cảnh cũng như tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất tranh chấp 48,3m^2 để trả lại cho nguyên đơn diện tích đất này theo bản án sơ thẩm.

Ngày 10/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định kháng nghị số: 793/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn không có quyền khởi kiện. Đồng thời, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa Quỹ tín dụng nhân dân Liên Nghĩa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn Bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do năm 2007 vợ chồng ông T, bà X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 309m^2 thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT của vợ chồng ông D1, bà L. Trong quá trình sử dụng thì vợ chồng ông D, bà T đã lấn chiếm một phần diện tích đất mà vợ chồng ông T, bà X đã nhận chuyển nhượng. Cụ thể phía trước theo mặt đường Quốc lộ 27 lấn chiếm 1,4m chiều ngang và chiều ngang phía sau là 5,5m, kéo dài hết lô đất nên vợ chồng ông T, bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà T phải trả lại diện tích đất đã lấm chiếm trên.

Bị đơn vợ chồng ông D, bà T thì cho rằng vợ chồng ông bà không lấn chiếm đất của vợ chồng ông T, bà X nên không đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp trên theo yêu cầu của vợ chồng ông T, bà X nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Tvà kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng:

Năm 2007, nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 309m^2 thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT của vợ chồng ông Phan Xuân D1, Bà Ngô Thị Mỹ L. Tại thời điểm chuyển nhượng thì vợ chồng ông D1, bà L đã được Uỷ ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chuyển nhượng cho nguyên đơn vào ngày 28/4/1993. Mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên chưa được công chứng, chứng thực nhưng các bên đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, bàn giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như giao đất cho bên nhận chuyển nhượng là nguyên đơn canh tác, sử dụng ổn định từ năm 2007 đến nay.

Trong quá trình sử dụng thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT thì nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và nay giữa nguyên đơn và vợ chồng ông D1, bà L không có tranh chấp, khiếu nại gì về hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 trên. Đồng thời, vợ chồng ông D1, bà L cũng cho rằng mình không còn quyền lợi liên quan gì đến thửa đất số 306 đã chuyển nhượng cho nguyên đơn vào năm 2007 vì đã bàn giao đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà X sử dụng. Do vậy, cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT giữa nguyên đơn với vợ chồng ông D1, bà L là có căn cứ. Vì vậy, nguyên đơn được quyền

sử dụng thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT và trong trường hợp quyền sử dụng đất trên bị xâm phạm thì nguyên đơn có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Xét thấy, Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 256266 mà Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Phan Xuân D1 ngày 28/4/1993 thì thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 có diện tích 309m^2 đất ở, còn thửa đất số 307 tờ bản đồ số 03 bà Nguyễn Thị L1 được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/1993 có diện tích là 372m^2 đất ở. Tại thông báo số 1151/TB-UBND ngày 14/9/2006 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT đã điều chỉnh thửa đất số 307 tờ bản đồ số 03 từ diện tích 372m^2 xuống còn 198m^2 (đất ở đô thị), giảm 174m^2 (đất ở đô thị), lý do giảm là do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa trừ lộ giới và cho phép tách thửa đất số 307 thành các thửa đất số 631/99m^2 và thửa đất số 632/99m^2.

Tại các biên bản đo đạc xác minh hiện trường ngày 20/10/2006 và ngày 30/11/2006 khi tách thửa đất số 307 thành thửa đất số 631 và 632 thể hiện chiều ngang giáp đường Quốc lộ 27 của thửa đất số 307 là 16,15m, sau khi trừ lộ giới chiều ngang của thửa đất số 631 và 632 phía giáp Quốc lộ 27 là 7,27m, phía sau có chiều ngang mỗi thửa là 6,15m.

Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp ngày 18/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT thì trong phần diện tích đất tranh chấp đo đạc có 48,3m^2, hiện do bị đơn đang sử dụng (có điểm mốc phía sau sát mép nhà ván của vợ chồng ông D) thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT (đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Xuân D1 vào ngày 28/4/1993) và có 18,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn lấn chiếm diện tích đất 48,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT của nguyên đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bởi lẽ giữa nguyên đơn và vợ chồng ông D1, bà L không có tranh chấp gì việc chuyển nhượng đất và đã bàn giao đất cho nguyên đơn quản lý sử dụng. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn phải di dời một số cây cảnh, bệ sắt để bồn nước sinh hoạt, nhà vệ sinh tạm đã hư hỏng ra khỏi diện tích đất của nguyên đơn để trả lại cho nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho rằng ngày 15/3/2017 bị đơn đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 958979 mà bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ngày 25/12/2006 đối với thửa đất số 631 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT cho Quỹ tín dụng nhân dân Liên Nghĩa, nhưng cấp sơ thẩm lại không đưa Quỹ tín dụng nhân dân Liên Nghĩa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà các đương sự cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập thì xác định diện tích đất tranh chấp 48,3m^2 mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn thuộc một

phần thửa đất số 306 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT không liên quan đến thửa đất số 631 tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT mà bị đơn đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Nghĩa. Do đó, việc cấp sơ thẩm không đưa Quỹ tín dụng nhân dân Liên Nghĩa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, vì việc giải quyết vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của quỹ tín dụng và cũng không làm ảnh hưởng đến việc thi hành án.

Với phân tích trên, cấp phúc thẩm cần bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tiến, bác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận nên cần buộc vợ chồng ông D, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng ông T, bà X số tiền 2.579.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Tvà kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Xử:

1. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đối với vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X với bị đơn vợ chồng ông Trần Công D, bà Trần Thị Tiến; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phan Xuân D1, Bà Ngô Thị Mỹ L, Bà Trần Thị Thu T1.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X.

Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị Ttrả lại phần đất lấn chiếm là 48,3m^2 (có điểm mốc phía sau sát mép nhà ván của vợ chồng ông D) thuộc một phần thửa đất số 306 tờ bản đồ 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT (có họa đồ kèm theo) cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị Tcó trách nhiệm di dời, tháo dỡ một số cây cảnh và một số tài sản của mình trên đất gồm: Bệ sắt để bồn chứa nước sinh hoạt, nhà vệ sinh tạm đã hưu hỏng không còn sử dụng để hoàn trả lại hiện trạng đất cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X. (Có sơ đồ hiện trạng đất kèm theo).

- Vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn LN, huyện ĐT để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị Tphải hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X số tiền 2.579.000 đồng.

- Lãi suất chậm thi hành án:

"Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự".

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Trần Công D, Bà Trần Thị Tphải chịu 8.404.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X phải chịu 3.236.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 50.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023824 ngày 01/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT. Vợ chồng ông Đỗ Minh Hoàng Anh T, Bà Lê Thị X còn phải nộp thêm số tiền 3.186.400 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc Bà Trần Thị Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006737 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- CCTHADS H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân